

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN GIO LINH**

Số: 357/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Gio Linh, ngày 03 tháng 3 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chuyển vốn sự nghiệp và vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương năm 2022 sang thực hiện năm 2023 của các Chương trình MTQG

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN GIO LINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019; Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015; Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Quy định tại khoản 5, điều 2 Nghị quyết số 69/2022/QH15 ngày 11/11/2022 của Quốc hội khóa XV về dự toán ngân sách nhà nước năm 2023;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của nghị định số 163/2016/nđ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật ngân sách nhà nước và Thông tư số 78/2022/TT-BTC ngày 26/12/2022 quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2023;

Căn cứ các Quyết định phân bổ nguồn vốn ngân sách Trung ương thực hiện các Chương trình MTQG của UBND huyện Gio Linh số 3658/QĐ-UBND ngày 09/9/2022 Về việc phân bổ vốn đầu tư phát triển năm 2022 thực hiện Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững (Nguồn vốn: Ngân sách Trung ương); số 3659/QĐ-UBND ngày 09/9/2022 Về việc phân bổ vốn Đầu tư phát triển năm 2022 thực hiện Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới (Nguồn vốn: Ngân sách Trung ương); số 3660/QĐ-UBND ngày 09/9/2022 về việc phân bổ vốn đầu tư phát triển năm 2022 thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (Nguồn vốn: Ngân sách Trung ương);

Căn cứ các Quyết định của UBND huyện Gio Linh số 923/QĐ-UBND ngày về việc phân bổ kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững (vốn sự nghiệp, ngân sách Trung ương) năm 2021; số 3632/QĐ-UBND ngày 07/9/2022 về việc phân bổ kinh phí sự nghiệp năm 2022 thực hiện Chương trình MTQG Phát triển Kinh tế - Xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững; số 4027/QĐ-UBND ngày 04/10/2022 về việc phân bổ kinh phí sự nghiệp ngân sách trung ương năm 2022 thực hiện Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới; số 327/QĐ-UBND ngày

28/02/2022 về việc phân bổ kinh phí sự nghiệp thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2022 (đợt 2);

Thực hiện Công văn số 5219/STC-QLNS ngày 30/12/2022 của Sở Tài chính tỉnh Quảng Trị về việc hướng dẫn xử lý chuyển nguồn, xử lý số liệu năm 2022 và một số nội dung thực hiện dự toán năm 2023 và theo đề nghị của phòng Tài chính – Kế hoạch huyện tại Tờ trình số: 30 /TTr-TCKH ngày 03 / 3 /2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chuyển vốn sự nghiệp và vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương năm 2022 sang thực hiện năm 2023 của các chương trình mục tiêu quốc gia với số tiền là: **28.862.028.000 đồng (Hai mươi tám tỷ, tám trăm sáu mươi hai triệu, không trăm hai mươi tám nghìn đồng)**, cụ thể như sau:

I. Chuyển nguồn vốn sự nghiệp là: 7.024.686.000 đồng, trong đó:

- | | |
|--|--------------------|
| 1. Chương trình MTQG xây dựng NTM: | 1.054.770.000 đồng |
| 2. Chương trình MTQG giảm nghèo: | 4.417.384.000 đồng |
| 3. Chương trình MTQG PT KTXH vùng ĐBDTTS&MN: | 1.552.532.000 đồng |
- (Chi tiết theo phụ lục 1 đính kèm)

II. Chuyển nguồn vốn đầu tư phát triển là: 21.837.342.000 đồng, trong đó:

- | | |
|------------------------------------|--------------------|
| 1. Chương trình MTQG xây dựng NTM: | 9.048.336.000 đồng |
|------------------------------------|--------------------|
- Bao gồm:
- | | |
|---------------------------------------|--------------------|
| - Chuyển số dư dự toán tại đơn vị là: | 7.968.053.300 đồng |
| - Chuyển số dư tạm ứng tại đơn vị là: | 1.080.282.700 đồng |
2. Chương trình MTQG giảm nghèo:
- | |
|--------------------|
| 6.269.234.000 đồng |
|--------------------|
- Bao gồm:
- | | |
|---------------------------------------|--------------------|
| - Chuyển số dư dự toán tại đơn vị là: | 4.379.234.000 đồng |
| - Chuyển số dư tạm ứng tại đơn vị là: | 1.890.000.000 đồng |
3. Chương trình MTQG PT KTXH vùng ĐBDTTS&MN:
- | |
|--------------------|
| 6.519.772.000 đồng |
|--------------------|
- Bao gồm:
- | | |
|---------------------------------------|--------------------|
| - Chuyển số dư dự toán tại đơn vị là: | 5.898.790.000 đồng |
| - Chuyển số dư tạm ứng tại đơn vị là: | 620.982.000 đồng |
- (Chi tiết theo phụ lục 2 đính kèm)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

- Các đơn vị dự toán có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện và thanh quyết toán nguồn vốn trên theo đúng chính sách, chế độ quy định hiện hành.
- Giao Phòng Tài chính – Kế hoạch chủ trì phối hợp Kho bạc Nhà nước Gio Linh và các đơn vị có liên quan hướng dẫn, kiểm tra thực hiện quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

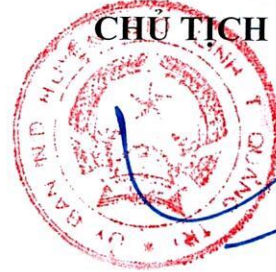
Chánh Văn phòng HĐND&UBND huyện; Trưởng các phòng: Tài chính – Kế hoạch, Nông nghiệp và PTNT, Lao động TB&XH; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Gio Linh; Trưởng các đơn vị có tên tại điều 1 và Thủ trưởng các phòng, ban ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Sở Tài chính; KH&ĐT
- Sở NN&PTNT; LĐTB&XH;
- Ban dân tộc tỉnh;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Lưu: VT.

(b/c)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Võ Đắc Hóa

PHỤ LỤC 1

BIỂU CHI TIẾT CHUYỂN NGUỒN VỐN SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2022 SANG THỰC HIỆN NĂM 2023 CỦA CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA (BAO GỒM NGUỒN NĂM 2021)
(Ban hành kèm theo Quyết định số: **357** /QĐ-UBND ngày **09** tháng **3** năm 2023 của UBND huyện Gio Linh)

Đ.V.T: Đồng

STT	Đơn vị	Mã Chương trình	Mã dự án/ mã nguồn kinh phí	Chức danh tư/ đơn vị quản lý	Dự toán được chi năm 2022				Dự toán đã sử dụng đến 31/01 2023	Dự toán bị hủy	Số dự được chuyển nguồn chi năm 2023			Chi chú
					Tổng số	Trong đó:					Tổng	Số dự toán	Số dự tạm ứng	
						Dự toán năm trước chuyển sang	Dự toán giao đầu năm	Dự toán điều chỉnh						
	I	2	3	4	5-6+7+8	6	7	8	9	10	11-12+13	13	14	
					11.068.000.000	1.500.000.000	9.568.000.000	-	4.039.493.341	3.820.659	7.024.686.000	7.024.686.000	-	
A	TỔNG CỘNG: A + B + C				3.070.000.000	-	3.070.000.000	-	2.011.416.741	3.813.259	1.054.770.000	1.054.770.000	-	
I	Năng cao hiệu quả quản lý và thực hiện xây dựng NTM theo quy hoạch				200.000.000	-	200.000.000	-	-	-	200.000.000	200.000.000	-	
1	Xã Gio Châu	0491	15	UBND xã Gio Châu	100.000.000	-	100.000.000	-	-	-	100.000.000	100.000.000	-	
2	Xã Hải Thái	0491	15	UBND xã Hải Thái	100.000.000	-	100.000.000	-	-	-	100.000.000	100.000.000	-	
II	Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành NN, PT&KT nông thôn				200.000.000	-	200.000.000	-	56.210.000	-	143.790.000	143.790.000	-	
1	Triển khai chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP)	0493	15	Phòng NN&PTNT	150.000.000	-	150.000.000	-	20.800.000	-	129.200.000	129.200.000	-	
2	Nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn, gắn với nhu cầu của thị trường	0493	15	Phòng Lao động TB&XH	50.000.000	-	50.000.000	-	35.410.000	-	14.590.000	14.590.000	-	
III	Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện chương trình; nâng cao năng lực, truyền thông xây dựng NTM; thực hiện phòng trào thi đua ca nước chung sức xây dựng NTM				300.000.000	-	300.000.000	-	299.898.000	102.000	-	-	-	
1	Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện chương trình, xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá; nhân rộng mô hình giám sát an ninh hiện đại và giám sát của cộng đồng	0502	15		150.000.000	-	150.000.000	-	150.000.000	-	-	-	-	
1.1	Ban chỉ đạo các chương trình MTQC huyện; Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện;			Phòng NN&PTNT	100.000.000	-	100.000.000	-	100.000.000	-	-	-	-	
1.2	Phòng Tài chính - KH			Phòng TC-KH	50.000.000	-	50.000.000	-	50.000.000	-	-	-	-	
2	Đẩy mạnh, đa dạng hình thức thông tin, truyền thông; triển khai phong trào "cả nước thi đua xây dựng nông thôn mới"	0502	15		150.000.000	-	150.000.000	-	149.898.000	102.000	-	-	-	
2.1	Ủy ban Mặt trận TQVN huyện			UBMT TQVN huyện	50.000.000	-	50.000.000	-	50.000.000	-	-	-	-	
2.2	Ban chỉ đạo các chương trình MTQC huyện; Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện;			Phòng NN&PTNT	100.000.000	-	100.000.000	-	99.898.000	102.000	-	-	-	
IV	Đẩy tin, báo đài đường, vận hành các công trình sau đầu tư trên địa bàn xã				2.370.000.000	-	2.370.000.000	-	1.655.508.741	3.711.259	710.980.000	710.980.000	-	
1	Xã Gio Châu	0492	15	UBND Xã Gio Châu	635.000.000	-	635.000.000	-	-	-	635.000.000	635.000.000	-	
2	Xã Hải Thái	0492	15	UBND Xã Hải Thái	635.000.000	-	635.000.000	-	593.723.000	-	41.277.000	41.277.000	-	
3	Xã Gio An	0492	15	UBND Xã Gio An	100.000.000	-	100.000.000	-	97.171.000	-	2.829.000	2.829.000	-	

STT	Đơn vị	Mã Chương trình	Mã dự án/ mã nguồn kinh phí	Chủ đầu tư/ đơn vị quản lý	Dự toán được chi năm 2022				Dự toán đã sử dụng đến 31/01/2023	Dự toán bị hủy	Số dư được chuyển nguồn chi năm 2023			Chi chú
					Tổng số	Trong đó:					Tổng	Số dư dự toán	Số dư tạm ứng	
						Dự toán năm trước chuyển sang	Dự toán giao đầu năm	Dự toán điều chỉnh						
4	Xã Phong Bình	0492	15	UBND Xã Phong Bình	100.000.000	-	100.000.000	-	97.536.000	-	2.464.000	-		
5	Xã Trung Sơn	0492	15	UBND Xã Trung Sơn	100.000.000	-	100.000.000	-	89.562.000	-	10.438.000	-		
6	Xã Trung Hải	0492	15	UBND Xã Trung Hải	100.000.000	-	100.000.000	-	97.171.000	-	2.829.000	-		
7	Xã Gio Mỹ	0492	15	UBND Xã Gio Mỹ	100.000.000	-	100.000.000	-	97.180.000	-	2.820.000	-		
8	Xã Gio Quang	0492	15	UBND Xã Gio Quang	100.000.000	-	100.000.000	-	100.000.000	-	-	-		
9	Xã Linh Hải	0492	15	UBND Xã Linh Hải	100.000.000	-	100.000.000	-	100.000.000	-	-	-		
10	Xã Gio Sơn	0492	15	UBND Xã Gio Sơn	100.000.000	-	100.000.000	-	89.507.000	-	10.493.000	-		
11	Xã Trung Giang	0492	15	UBND Xã Trung Giang	100.000.000	-	100.000.000	-	99.082.741	917.259	-	-		
12	Xã Gio Việt	0492	15	UBND Xã Gio Việt	100.000.000	-	100.000.000	-	97.306.000	2.794.000	-	-		
13	Xã Gio Mai	0492	15	UBND Xã Gio Mai	100.000.000	-	100.000.000	-	97.170.000	-	2.830.000	-		
B	VỐN SỰ NGHIỆP CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIÀM NGHÈO				5.925.000.000	1.500.000.000	4.425.000.000	-	1.507.608.600	7.400	4.417.384.000	4.417.384.000		
I	<i>Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng KTXH các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo các xã ĐBKX</i>		12		600.000.000	-	600.000.000	-	495.616.000	-	104.384.000	104.384.000		
I	Tiền dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng KTXH tại các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo				600.000.000	-	600.000.000	-	495.616.000	-	104.384.000	104.384.000		
I.1	Hoạt động 2: Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng tại các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo			UBND xã Gio Hải	600.000.000	-	600.000.000	-	495.616.000	-	104.384.000	104.384.000		
II	<i>Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo</i>		12	Phòng Lao động TB&XH	1.338.000.000	-	1.338.000.000	-	-	-	1.338.000.000	1.338.000.000		
III	<i>Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng</i>		12		595.000.000	-	595.000.000	-	-	-	595.000.000	595.000.000		
I	Tiền dự án 1: Hỗ trợ PTSX trong lĩnh vực nông nghiệp			Phòng NN&PTNT	595.000.000	-	595.000.000	-	-	-	595.000.000	595.000.000		
II'	<i>Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững</i>		12		1.536.000.000	-	1.536.000.000	-	-	-	1.536.000.000	1.536.000.000		
I	Tiền dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn				1.328.000.000	-	1.328.000.000	-	-	-	1.328.000.000	1.328.000.000		
I.1	Hỗ trợ một số cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trên địa bàn			Trung tâm GDNN-GDTX	612.000.000	-	612.000.000	-	-	-	612.000.000	612.000.000		
I.2	Hỗ trợ đào tạo cán bộ cho người lao động hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo, xã ĐBKX vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo			Trung tâm GDNN-GDTX	716.000.000	-	716.000.000	-	-	-	716.000.000	716.000.000		

STT	Đơn vị	Mã Chương trình	Mã dự án/ mã nguồn kinh phí	Chủ đầu tư/ đơn vị quản lý	Dự toán được chi năm 2022				Dự toán đã sử dụng đến 31/01/2023	Dự toán bị hủy	Số dư được chuyển nguồn chi năm 2023			Ghi chú
					Tổng số	Dự toán năm trước chuyển sang	Trong đó:				Tổng	Số dư dự toán	Số dư tạm ứng	
							Dự toán giao đầu năm	Dự toán điều chỉnh						
2	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững			Phòng Lao động TB&XH	208.000.000	-	208.000.000	-	-	208.000.000	-	-		
V	<u>Dự án 6:</u> Truyền thông và giám nghiệp về thông tin	00476	12		35.000.000	-	35.000.000	-	35.000.000	-	-	-		
1	Tiểu dự án 2: Truyền thông về giám nghiệp đa chiều			Phòng Lao động TB&XH	35.000.000	-	35.000.000	-	35.000.000	-	-	-		
V1	<u>Dự án 7:</u> Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình	00477	12		291.000.000	-	291.000.000	-	77.000.000	-	214.000.000	-		
1	Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện chương trình			Phòng Lao động TB&XH	214.000.000	-	214.000.000	-	-	214.000.000	-	-		
2	Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá			Phòng Lao động TB&XH	77.000.000	-	77.000.000	-	77.000.000	-	-	-		
VII	<u>Vấn C/T/M/QC, giám nghiệp năm 2022 (dợt 2)</u>				30.000.000	-	30.000.000	-	-	30.000.000	-	-		
1	<u>Dự án 6:</u> Truyền thông và giám nghiệp về thông tin	00476	12		30.000.000	-	30.000.000	-	-	30.000.000	-	-		
1.1	Tiểu dự án 1: Giám nghiệp về thông tin			Phòng Văn hóa - Thông tin	30.000.000	-	30.000.000	-	-	30.000.000	-	-	Chưa phân khai	
VIII	<u>Vấn C/T/M/QC, giám nghiệp năm 2021 thực hiện năm 2022</u>				1.500.000.000	-	1.500.000.000	-	899.992.600	7.400	600.000.000	-		
1	<u>Dự án 1:</u> Chương trình 30a				1.200.000.000	-	1.200.000.000	-	899.992.600	7.400	300.000.000	-		
	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế các xã DBKK vùng bãi ngang ven biển và hải đảo	00471	12		1.200.000.000	-	1.200.000.000	-	899.992.600	7.400	300.000.000	-		
1.1	Xã Gio Việt			UBND xã Gio Việt	300.000.000	-	300.000.000	-	300.000.000	-	-	-		
1.2	Xã Gio Mai			UBND xã Gio Mai	300.000.000	-	300.000.000	-	299.999.900	100	-	-		
1.3	Xã Gio Hải			UBND xã Gio Hải	300.000.000	-	300.000.000	-	-	-	300.000.000	-		
1.4	Xã Trung Giang			UBND xã Trung Giang	300.000.000	-	300.000.000	-	299.992.700	7.300	-	-		
2	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giám nghiệp trên địa bàn các xã ngoài Chương trình 30a và Chương trình 135	00472	12		300.000.000	-	300.000.000	-	-	-	300.000.000	-		
2.1	Xã Hải Thái			UBND xã Hải Thái	150.000.000	-	150.000.000	-	-	-	150.000.000	-		
2.2	Xã Gio Châu			UBND xã Gio Châu	150.000.000	-	150.000.000	-	-	-	150.000.000	-		
C	CHƯƠNG TRÌNH MÔ PHỎNG PHÁT TRIỂN KT-XH VÙNG ĐÔNG BẢO ĐÀN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI NĂM 2023				2.073.000.000	-	2.073.000.000	-	520.468.000	-	1.552.532.000	-		
I	<u>Dự án 1:</u> Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	00511	12		711.000.000	-	711.000.000	-	-	-	711.000.000	-		

STT	Đơn vị	Mã Chương trình	Mã dự án/mã nguồn kinh phí	Chủ đầu tư/đơn vị quản lý	Dự toán được chi năm 2022				Dự toán bị hủy	Số dự được chuyển nguồn chi năm 2023			Ghi chú
					Tổng số	Dự toán năm trước chuyển sang	Trong đó:			Tổng	Số dự toán	Số dự tạm ứng	
							Dự toán giao đầu năm	Dự toán điều chỉnh					
II	<i>Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị</i>	00513	12		166.000.000	-	166.000.000	-	166.000.000	-	166.000.000		
I	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng được liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi			Phòng NN&PTNT	166.000.000	-	166.000.000	-	166.000.000	-	166.000.000		
III	<i>Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc</i>	00514	12		108.000.000	-	108.000.000	-	108.000.000	-	108.000.000		
I	Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi			UBND xã Linh Trường	108.000.000	-	108.000.000	-	108.000.000	-	108.000.000		
IV	<i>Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực</i>	00515	12		382.000.000	-	382.000.000	-	110.532.000	-	110.532.000		
I	Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, cùng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông có học sinh bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số			Phòng GD&ĐT	107.000.000	-	107.000.000	-	-	-	-		
2	Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi			Phòng Lao động TB&XH	245.000.000	-	245.000.000	-	97.000.000	-	97.000.000		
3	Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai chương trình ở các cấp			Phòng Nội vụ	30.000.000	-	30.000.000	-	13.532.000	-	13.532.000		
V	<i>Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch</i>	00516	12		109.000.000	-	109.000.000	-	-	-	-		
VI	<i>Dự án 7: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em</i>	00518	12		52.000.000	-	52.000.000	-	-	-	-		
VII	<i>Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn đặc thù</i>	00519	12		528.000.000	-	528.000.000	-	447.000.000	-	447.000.000		
I	Tiểu dự án 1: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù			UBND xã Linh Trường	447.000.000	-	447.000.000	-	447.000.000	-	447.000.000		
2	Tiểu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi			Phòng Y tế	81.000.000	-	81.000.000	-	-	-	-		
VIII	<i>Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện chương trình</i>	00521	12		17.000.000	-	17.000.000	-	10.000.000	-	10.000.000		
I	Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín, phổ biến, giao đưc pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào, truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện đề án tổng thể và chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030			Phòng Nội vụ	10.000.000	-	10.000.000	-	-	-	-		
2	Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển KT-XH và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi			Văn phòng HDND&UBND	4.000.000	-	4.000.000	-	4.000.000	-	4.000.000		
3	Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện chương trình			Văn phòng HDND&UBND	3.000.000	-	3.000.000	-	3.000.000	-	3.000.000		

PHỤ LỤC 2
BIỂU CHI TIẾT CHUYỂN NGUỒN VỐN ĐTPPT NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2022 SANG THỰC HIỆN NĂM 2023 CỦA CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA (BAO GỒM NGUỒN NĂM 2021)
 (Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023 của UBND huyện Gio Linh)

STT	Đơn vị	Mã Chương trình	Mã dự án/ Mã nguồn kinh phí	Chức năng nhiệm vụ quản lý	Dự toán được chi năm 2022				Dự toán đã sử dụng đến 31/01/2023 (bao gồm tạm ứng)	Dự toán bị hủy	Kinh phí được chuyển nguồn sang thực hiện năm		Chú thích	
					Tổng số	Trong đó:					Tổng	2023		
						Dự toán năm trước chuyển sang	Dự toán giao đến năm	Dự toán điều chỉnh				Số dự toán		Số dư tạm ứng
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	
					24.523.150.000	7.068.040.000	17.455.110.000	-	6.277.072.700	-	21.837.342.000	18.246.077.300	3.591.264.700	
	TỔNG CỘNG: A + B + C				9.379.150.000	7.068.040.000	2.311.110.000	-	1.411.096.700	-	9.048.336.000	7.968.053.300	1.080.282.700	
A	VỐN ĐTPPT CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NTM				2.021.600.000	2.021.600.000	-	-	-	-	2.021.600.000	2.021.600.000	-	
a	Xã Linh Trường				301.600.000	301.600.000	-	-	-	-	301.600.000	301.600.000	-	
1	Trường Mầm non số 1 khu vực Khe Me, Hang mục: Công, sân và khuôn viên	00492	8007724	UBND xã Linh Trường	600.000.000	600.000.000	-	-	-	-	600.000.000	600.000.000	-	
2	Nhà văn hóa thôn Sông Ngân, Hang mục: Công, hàng rào và nhà vệ sinh	00492	8007726	UBND xã Linh Trường	1.120.000.000	1.120.000.000	-	-	-	-	1.120.000.000	1.120.000.000	-	
3	Nhà văn hóa thôn Ba De	00492	8004000	UBND xã Linh Trường	700.000.000	700.000.000	-	-	143.855.000	-	700.000.000	556.145.000	143.855.000	
b	Xã Gio Hải				300.000.000	300.000.000	-	-	-	-	300.000.000	300.000.000	-	
1	Bê tông hóa GTNT Thôn 4 tuyến từ Nhà Ó Bón - Nhà Ó Phấn	00492	8003825	UBND xã Gio Hải	400.000.000	400.000.000	-	-	143.855.000	-	400.000.000	256.145.000	143.855.000	
2	Bê tông hóa GTNT Thôn Nhì Hạ tuyến từ nhà Ó Hiến - Nhà Thanh Bông	00492	8003824	UBND xã Gio Hải	1.257.020.000	657.020.000	600.000.000	-	114.255.000	-	1.142.767.000	1.142.767.000	-	
c	Xã Gio Mai				600.000.000	600.000.000	-	-	-	-	600.000.000	600.000.000	-	
1	Công trình thoát nước tuyến 01 thôn Mai Xã	00492	8006010	UBND xã Gio Mai	657.020.000	657.020.000	-	-	58.664.000	-	598.356.000	598.356.000	-	
2	Công trình thoát nước tuyến 02 thôn Mai Xã	00492	8006009	UBND xã Gio Mai	1.168.130.000	657.020.000	511.110.000	-	374.747.000	-	1.082.828.000	793.383.000	289.445.000	
d	Xã Gio Châu				1.120.000.000	657.020.000	462.980.000	-	374.747.000	-	1.034.698.000	745.253.000	289.445.000	
1	Đường trục xã (đoạn từ đường mốt kết nối hầm chui đi 575 đến nhà bà Trần Thị Sấm)	00492	7982549	UBND xã Gio Châu	48.130.000	-	48.130.000	-	-	-	48.130.000	48.130.000	-	
2	Công trình thoát nước ngang qua đường xã từ Hà Trung đi Hà Thương	00492	8004460	UBND xã Gio Châu	705.400.000	505.400.000	200.000.000	-	-	-	705.400.000	705.400.000	-	
e	Xã Phong Bình				705.400.000	505.400.000	200.000.000	-	-	-	705.400.000	705.400.000	-	
1	Đường tra rau sạch thôn Lan Đình	00492	8004444	UBND xã Phong Bình	500.000.000	500.000.000	-	-	-	-	500.000.000	500.000.000	-	
g	Xã Trung Sơn				500.000.000	500.000.000	-	-	-	-	500.000.000	500.000.000	-	
1	Bê tông hóa đường GTNT Thôn Kinh Môn	00492	8004471	UBND xã Trung Sơn	205.400.000	5.400.000	200.000.000	-	118.086.000	-	205.400.000	87.314.000	118.086.000	
2	Bê tông hóa đường GTNT Thôn Bến Hải	00492	8004470	UBND xã Trung Sơn	294.600.000	500.000.000	200.000.000	-	287.733.000	-	500.000.000	212.267.000	287.733.000	

STT	Mã Chương trình	Mã dự án/ mã nguồn kinh phí	Chức năng tư/danh vị quản lý	Dự toán được chỉ năm 2022				Dự toán bị hủy	Kinh phí được chuyển nguồn sang thực hiện năm 2023		Ghi chú
				Tổng số	Dự toán năm trước chuyển sang	Trong đó: Dự toán giao đầu năm	Dự toán điều chỉnh		Tổng	Số dư dự toán	
h	Xã Trung Hải			705.400.000	505.400.000	200.000.000	-	651.768.000	651.768.000	-	
1	Sửa chữa, nâng cấp Sân Trường THPTCS Trung Hải	00492		705.400.000	505.400.000	200.000.000	-	651.768.000	651.768.000	-	
k	Xã Gio Sơn			705.400.000	505.400.000	200.000.000	-	705.400.000	705.400.000	-	
1	Bê tông hóa GTNT thôn Phú Ốc và thôn Nam Tân	00492		200.000.000	200.000.000	-	-	200.000.000	200.000.000	-	
2	Bê tông hóa GTNT Thôn Đạm Đồng Nhất	00492		400.000.000	200.000.000	200.000.000	-	400.000.000	400.000.000	-	
3	Đường hoa thôn Nam Đồng	00492		105.400.000	105.400.000	-	-	105.400.000	105.400.000	-	
l	Xã Trung Giang			705.400.000	505.400.000	200.000.000	-	705.400.000	705.400.000	-	
1	Xây dựng tường rào nhà văn hóa thôn Hà Lợi Trung	00492		200.000.000	-	200.000.000	-	200.000.000	200.000.000	-	
2	Khu thể thao thôn Nam Sơn (Giáp đoạn 2)	00492		300.000.000	300.000.000	-	-	300.000.000	300.000.000	-	
3	Tường rào nhà văn hóa thôn Càng Gian	00492		205.400.000	205.400.000	-	-	205.400.000	205.400.000	-	
m	Xã Gio Việt			705.400.000	505.400.000	200.000.000	-	627.773.000	386.609.300	241.163.700	
1	Nâng cấp đường và rãnh thoát nước đường liên thôn xã Gio Việt	00492		705.400.000	505.400.000	200.000.000	-	627.773.000	386.609.300	241.163.700	
B	VỐN ĐTVT CHUỖNG TRÌNH MTQG GIẢM NGHÈO			8.500.000.000	-	8.500.000.000	-	6.269.234.000	4.379.234.000	1.890.000.000	
l	Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã DBKK vùng hải ngoại, ven biển và hải đảo			6.000.000.000	-	6.000.000.000	-	4.119.177.000	4.119.177.000	-	
1	Trên dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng hải ngoại, ven biển và hải đảo (xã Gio Hải)			6.000.000.000	-	6.000.000.000	-	4.119.177.000	4.119.177.000	-	
1.1	Bê tông hóa kênh mương Nhì Trung kênh Từ Liêm - Gio Trà	00471		800.000.000	-	800.000.000	-	4120.766.000	4.119.177.000	-	
1.2	Bê tông hóa kênh mương Nhì Hạ kênh Ó Gà	00472		700.000.000	-	700.000.000	-	318.790.700	386.609.300	-	
1.3	Bê tông hóa đường giao thông thôn 4 (từ Nhà ông Đăng - ông Hồ Đăng; từ nhà ông Thương - ông Mết; từ nhà ông Bón - ông Phien)	00473		800.000.000	-	800.000.000	-	627.773.000	627.773.000	-	
1.4	Bê tông hóa đường giao thông thôn 5 (từ nhà ông Lạp đến nhà ông Cường)	00474		800.000.000	-	800.000.000	-	205.400.000	205.400.000	-	
1.5	Bê tông hóa đường giao thông thôn 6 (từ Nhà ông tuyến - Bà Hoa, từ nhà ông Yên - ông Ru)	00475		700.000.000	-	700.000.000	-	205.400.000	205.400.000	-	
1.6	Bê tông hóa đường giao thông thôn Tân Hải (từ Nhà ông Tân - ông Bình; từ nhà ông Thuyết - Bà Hương)	00476		700.000.000	-	700.000.000	-	205.400.000	205.400.000	-	
1.7	Bê tông hóa đường giao thông thôn Nhì Trung (từ Nhà Ty - ông Thành; từ nhà Tuấn (Liên) - Dương, Thành Giang)	00477		700.000.000	-	700.000.000	-	205.400.000	205.400.000	-	
1.8	Bê tông hóa đường giao thông thôn Nhì Hạ (từ Nhà Kiên - Nhà ông Hoàng Khuyến - Dương, Huyền V3)	00478		800.000.000	-	800.000.000	-	800.000.000	800.000.000	-	

STT	Đơn vị	Mã Chương trình	Mã dự án/ mã nguồn kinh phí	Chủ đầu tư/dơn vị quản lý	Dự toán được chi năm 2022				Dự toán đã sử dụng đến 31/01 2023 (bao gồm tạm ứng)	Dự toán bị hủy	Kinh phí được chuyển nguồn sang thực hiện năm 2023			Chi chú
					Tổng số	Trong đó:					Tổng	Số dự toán	Số dự tạm ứng	
						Dự toán năm trước chuyển sang	Dự toán giao đầu năm	Dự toán điều chỉnh						
II	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững													
I	Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn													
1.1	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên huyện Gio Linh, Hướng mục: Nhà học đào tạo nghề 02 tầng	00474	8000349	Ban Quản lý dự án ĐTXD&PTQĐ	2.500.000.000	2.500.000.000	-	2.239.943.000	-	2.150.057.000	260.057.000	1.890.000.000		
C	CHƯƠNG TRÌNH MTOQ PHÁT TRIỂN KT-XH VÙNG ĐÔNG BAO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI NĂM 2023													
I	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt.													
1	Nội dung số 02: Hỗ trợ nhà ở	00511		UBND xã Linh Trường	3.741.000.000	3.741.000.000	-	-	-	3.741.000.000	3.741.000.000	-		
2	Nội dung số 03: Hỗ trợ đất sản xuất, chuyển đổi nghề	00511		UBND xã Linh Trường	941.000.000	941.000.000	-	-	-	941.000.000	941.000.000	-	Chưa phân khai	
II	Dự án 4: Đẩy tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đông bào DTTS và MN và các dự án vi sự nghiệp công lĩnh vực dân tộc.													
1	Tiểu dự án 1: Đẩy tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đông bào dân tộc thiểu số và miền núi													
1.1	Đường giao thông nông thôn thôn Trường Thành	00514	8007723	UBND xã Linh Trường	380.000.000	380.000.000	-	-	-	380.000.000	380.000.000	-		
1.2	Xây mới khu vệ sinh gồm 6 phòng cho điểm trường tiểu học trung tâm xã	00514	8007783	UBND xã Linh Trường	300.000.000	300.000.000	-	-	-	300.000.000	300.000.000	-		
1.3	Nâng cấp và sửa chữa công trình hạ tầng trường học tại điểm trường tiểu học Khe Mè	00514	8007782	UBND xã Linh Trường	200.000.000	200.000.000	-	-	-	200.000.000	200.000.000	-		
1.4	Xây dựng 2 phòng đọc cụm trung tâm trường tiểu học Linh Trường	00514	7991251	Ban QLDA ĐTXD&PTQĐ	1.000.000.000	1.000.000.000	-	372.608.000	-	937.884.000	627.392.000	310.492.000		
III	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy văn hóa truyền thống dân tộc thiểu số vùng đông bào DTTS và MN.													
I	Xây dựng nhà văn hóa thôn Cù Đình	00516	7987780	Ban QLDA ĐTXD&PTQĐ	1.000.000.000	1.000.000.000	-	372.602.000	-	937.888.000	627.398.000	310.490.000		
IV	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền vận động trong vùng đông bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện các chương trình													
I	Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đông bào DTTS và MN	00521		UBND xã Linh Trường	23.000.000	23.000.000	-	-	-	23.000.000	23.000.000	-	Chưa phân khai	

UBND HUYỆN GIO LINH
PHÒNG TÀI CHÍNH - KH

Số: 30 /TTr-TCKH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Gio Linh, ngày 03 tháng 3 năm 2023

TỜ TRÌNH

Về việc chuyển vốn sự nghiệp và vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương năm 2022 sang thực hiện năm 2023 của các Chương trình MTQG

Kính gửi: UBND huyện Gio Linh

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Quy định tại khoản 5, điều 2 Nghị quyết số 69/2022/QH15 ngày 11/11/2022 của Quốc hội khóa XV về dự toán ngân sách nhà nước năm 2023;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của nghị định số 163/2016/nd-cp ngày 21 tháng 12 năm 2016 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật ngân sách nhà nước và Thông tư số 78/2022/TT-BTC ngày 26/12/2022 quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2023;

Căn cứ các Quyết định phân bổ nguồn vốn ngân sách Trung ương thực hiện các Chương trình MTQG của UBND huyện Gio Linh số 3658/QĐ-UBND ngày 09/9/2022 Về việc phân bổ vốn đầu tư phát triển năm 2022 thực hiện Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững (Nguồn vốn: Ngân sách Trung ương); số 3659/QĐ-UBND ngày 09/9/2022 Về việc phân bổ vốn Đầu tư phát triển năm 2022 thực hiện Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới (Nguồn vốn: Ngân sách Trung ương); số 3660/QĐ-UBND ngày 09/9/2022 về việc phân bổ vốn đầu tư phát triển năm 2022 thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (Nguồn vốn: Ngân sách Trung ương);

Căn cứ các Quyết định của UBND huyện Gio Linh số 923/QĐ-UBND ngày về việc phân bổ kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững (vốn sự nghiệp, ngân sách Trung ương) năm 2021; số 3632/QĐ-UBND ngày 07/9/2022 về việc phân bổ kinh phí sự nghiệp năm 2022 thực hiện Chương trình MTQG Phát triển Kinh tế - Xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững; số 4027/QĐ-UBND ngày 04/10/2022 về việc phân bổ kinh phí sự nghiệp ngân sách trung ương năm 2022 thực hiện Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới; số 327/QĐ-UBND ngày 28/02/2022 về việc phân bổ kinh phí sự nghiệp thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2022 (đợt 2);

Căn cứ Công văn số 5219/STC-QLNS ngày 30/12/2022 của Sở Tài chính tỉnh Quảng Trị về việc hướng dẫn xử lý chuyển nguồn, xử lý số liệu năm 2022 và một số nội dung thực hiện dự toán năm 2023;

Phòng kính đề nghị UBND huyện chuyển vốn sự nghiệp và vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương năm 2022 sang thực hiện năm 2023 của các

chương trình mục tiêu quốc gia với số tiền là: 28.862.028.000 đồng (Hai mươi tám tỷ, tám trăm sáu mươi hai triệu, không trăm hai mươi tám nghìn đồng), cụ thể như sau:

I. Chuyển nguồn vốn sự nghiệp là: 7.024.686.000 đồng, trong đó:

1. Chương trình MTQG xây dựng NTM: 1.054.770.000 đồng
2. Chương trình MTQG giảm nghèo: 4.417.384.000 đồng
3. Chương trình MTQG PT KTXH vùng ĐBDTTS&MN: 1.552.532.000 đồng

(Chi tiết theo phụ lục 1 đính kèm)

II. Chuyển nguồn vốn đầu tư phát triển là: 21.837.342.000 đồng, trong đó:

1. Chương trình MTQG xây dựng NTM: 9.048.336.000 đồng

Bao gồm:

- Chuyển số dự toán tại đơn vị là: 7.968.053.300 đồng
- Chuyển số dư tạm ứng tại đơn vị là: 1.080.282.700 đồng

2. Chương trình MTQG giảm nghèo: 6.269.234.000 đồng

Bao gồm:

- Chuyển số dự toán tại đơn vị là: 4.379.177.000 đồng
- Chuyển số dư tạm ứng tại đơn vị là: 1.890.000.000 đồng

3. Chương trình MTQG PT KTXH vùng ĐBDTTS&MN: 6.519.772.000 đồng

Bao gồm:

- Chuyển số dự toán tại đơn vị là: 5.898.790.000 đồng
- Chuyển số dư tạm ứng tại đơn vị là: 620.982.000 đồng

(Chi tiết theo phụ lục 2 đính kèm)

Vậy, Phòng kính đề nghị UBND huyện xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.



Trần Đức Hiền

PHỤ LỤC I
BIỂU CHI TIẾT CHUYỂN NGUỒN VỐN SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2022 SANG THỰC HIỆN NĂM 2023 CỦA CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA (BAO GỒM NGUỒN NĂM 2021)
 (Ban hành kèm theo Tờ trình số: **30** /TT-TCKH ngày **13** tháng **3** năm 2023 của Phòng Tài chính - KH huyện)

STT	Đơn vị	Mã Chương trình	Mã dự án/mã nguồn kinh phí	Chủ đầu tư/dơn vị quản lý	Dự toán được chi năm 2022				Dự toán đã sử dụng đến 31/01/2023	Dự toán bị hủy	Số dư được chuyển nguồn chi năm 2023		Ghi chú	
					Tổng số	Dự toán năm trước chuyển sang	Trong đó:				Tổng	Số dư dự toán		
							Dự toán giao đầu năm	Dự toán điều chỉnh						Số dư tạm ứng
	I	2	3	4	5-6-7-8	6	7	8	9	10	11-12-13	13	14	
					11.068.000.000	1.500.000.000	9.568.000.000	-	4.039.493.341	3.820.659	7.024.686.000	7.024.686.000	-	
A	TỔNG CỘNG: A + B + C				3.070.000.000	-	3.070.000.000	-	2.011.416.741	3.813.259	1.054.770.000	1.054.770.000	-	
I	VỐN SỰ NGHIỆP CHƯƠNG TRÌNH MİTQ XÂY DỰNG				200.000.000	-	200.000.000	-	-	-	200.000.000	200.000.000	-	
	<i>Nâng cao hiệu quả quản lý và thực hiện xây dựng NTM theo quy hoạch</i>													
1	Xã Gio Châu	0491	15	UBND xã Gio Châu	100.000.000	-	100.000.000	-	-	-	100.000.000	100.000.000	-	
2	Xã Hải Thái	0491	15	UBND xã Hải Thái	100.000.000	-	100.000.000	-	-	-	100.000.000	100.000.000	-	
II	<i>Thực hiện thực hiện chi hiện qua cơ cấu lại ngành NN, PTKT nông thôn</i>				200.000.000	-	200.000.000	-	56.210.000	-	143.790.000	143.790.000	-	
1	Triển khai chương trình mới xã một sản phẩm (OCOP)	0493	15	Phòng NN&PTNT	150.000.000	-	150.000.000	-	20.800.000	-	129.200.000	129.200.000	-	
2	Nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn, giảm vốn nhu cầu của thị trường	0493	15	Phòng Lao động TB&XH	50.000.000	-	50.000.000	-	35.410.000	-	14.590.000	14.590.000	-	
III	<i>Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện chương trình, nâng cao năng lực, truyền thông xây dựng NTM, thực hiện phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng NTM</i>				300.000.000	-	300.000.000	-	299.898.000	102.000	-	-	-	
1	Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện chương trình, xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá, nhân rộng mô hình giám sát an ninh liên đới và giám sát của cộng đồng	0502	15		150.000.000	-	150.000.000	-	150.000.000	-	-	-	-	
1.1	Ban chỉ đạo các chương trình MİTQ; huyện; Phòng Nông nghiệp và PNT huyện;			Phòng NN&PTNT	100.000.000	-	100.000.000	-	100.000.000	-	-	-	-	
1.2	Phòng Tư chính - KH			Phòng TC-KH	50.000.000	-	50.000.000	-	50.000.000	-	-	-	-	
2	Đẩy mạnh, đa dạng hình thức thông tin, truyền thông; triển khai phong trào "cả nước thi đua xây dựng nông thôn mới"	0502	15		150.000.000	-	150.000.000	-	149.898.000	102.000	-	-	-	
2.1	Ủy ban Mặt trận TQFN huyện			UBMT TQFN huyện	50.000.000	-	50.000.000	-	50.000.000	-	-	-	-	
2.2	Ban chỉ đạo các chương trình MİTQ; huyện; Phòng Nông nghiệp và PNT huyện;			Phòng NN&PTNT	100.000.000	-	100.000.000	-	99.898.000	102.000	-	-	-	
IV	<i>Đẩy tu, bao dưỡng, vận hành các công trình sau đầu tư trên địa bàn xã</i>				2.370.000.000	-	2.370.000.000	-	1.653.508.741	3.711.259	710.980.000	710.980.000	-	
1	Xã Gio Châu	0492	15	UBND Xã Gio Châu	635.000.000	-	635.000.000	-	-	-	635.000.000	635.000.000	-	
2	Xã Hải Thái	0492	15	UBND Xã Hải Thái	635.000.000	-	635.000.000	-	593.723.000	-	41.277.000	41.277.000	-	
3	Xã Gio An	0492	15	UBND Xã Gio An	100.000.000	-	100.000.000	-	97.171.000	-	2.829.000	2.829.000	-	

STT	Đơn vị	Mã Chương trình	Mã dự án/nhiệm vụ kinh phí	Chức năng đầu tư/dồn vị quản lý	Dự toán được chi năm 2022				Dự toán đã sử dụng đến 31/01 2023	Dự toán bị hủy	Số dư được chuyển nguồn chi năm 2023		Chú thích	
					Tổng số	Trong đó:					Tổng	Trong đó:		
						Dự toán năm trước chuyển sang	Dự toán giữa đầu năm	Dự toán điều chỉnh				Số dư dự toán		Số dư tạm ứng
4	Xã Phong Bình	0492	13	UBND Xã Phong Bình	100.000.000	-	100.000.000	-	97.536.000	-	2.464.000	2.464.000	-	
5	Xã Trung Sơn	0492	15	UBND Xã Trung Sơn	100.000.000	-	100.000.000	-	89.562.000	-	10.438.000	10.438.000	-	
6	Xã Trung Hải	0492	15	UBND Xã Trung Hải	100.000.000	-	100.000.000	-	97.171.000	-	2.829.000	2.829.000	-	
7	Xã Gio Mỹ	0492	15	UBND Xã Gio Mỹ	100.000.000	-	100.000.000	-	97.180.000	-	2.820.000	2.820.000	-	
8	Xã Gio Quang	0492	15	UBND Xã Gio Quang	100.000.000	-	100.000.000	-	100.000.000	-	-	-	-	
9	Xã Lãnh Hải	0492	15	UBND Xã Lãnh Hải	100.000.000	-	100.000.000	-	100.000.000	-	-	-	-	
10	Xã Gio Sơn	0492	15	UBND Xã Gio Sơn	100.000.000	-	100.000.000	-	89.507.000	-	10.493.000	10.493.000	-	
11	Xã Trung Giang	0492	15	UBND Xã Trung Giang	100.000.000	-	100.000.000	-	99.082.741	917.259	-	-	-	
12	Xã Gio Việt	0492	15	UBND Xã Gio Việt	100.000.000	-	100.000.000	-	97.206.000	2.794.000	-	-	-	
13	Xã Gio Mới	0492	15	UBND Xã Gio Mới	100.000.000	-	100.000.000	-	97.170.000	-	2.830.000	2.830.000	-	
B. VỐN SỰ NGHIỆP CHUONG TRÌNH ATQG GIAM NGHIEO					5.925.000.000	1.500.000.000	4.425.000.000	-	1.507.608.600	7.400	4.417.384.000	4.417.384.000	-	
1	Dự án L: Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng KTXH các huyện nghiệp xã đặc biệt khó khăn vùng biển ven biển và hải đảo	00471	12		600.000.000	-	600.000.000	-	495.616.000	-	104.384.000	104.384.000	-	
1	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng KTXH tại các huyện nghiệp xã đặc biệt khó khăn vùng biển ven biển và hải đảo			UBND Xã Gio Hải	600.000.000	-	600.000.000	-	495.616.000	-	104.384.000	104.384.000	-	
II	Dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện đời sống	00472	12	Phòng Lao động TB&XH	1.338.000.000	-	1.338.000.000	-	-	-	1.338.000.000	1.338.000.000	-	
1	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ PT SX trong lĩnh vực nông nghiệp			Phòng NN&PTNT	595.000.000	-	595.000.000	-	-	-	595.000.000	595.000.000	-	
II	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	00474	12		1.336.000.000	-	1.336.000.000	-	-	-	1.336.000.000	1.336.000.000	-	
1	Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, vùng biển và hải đảo			Trung tâm GDNN-GDTX	1.328.000.000	-	1.328.000.000	-	-	-	1.328.000.000	1.328.000.000	-	
1	khối khác			Trung tâm GDNN-GDTX	716.000.000	-	716.000.000	-	-	-	716.000.000	716.000.000	-	
1 1	Hỗ trợ một số cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trên địa bàn huyện nghiệp xã DBKK vùng biển ven biển và hải đảo			Trung tâm GDNN-GDTX	612.000.000	-	612.000.000	-	-	-	612.000.000	612.000.000	-	
1 2	Hỗ trợ đào tạo cán bộ nghiệp cho người lao động hồ nghiệp, hồ cán nghiệp, hồ mới thoát nghiệp, người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghiệp xã DBKK vùng biển ven biển và hải đảo			Trung tâm GDNN-GDTX	716.000.000	-	716.000.000	-	-	-	716.000.000	716.000.000	-	

STT	Đơn vị	Mã Chương trình	Mã dự án/mã nguồn kinh phí	Chỉ đầu tư/dom vị quản lý	Dự toán được chi năm 2022				Dự toán đã sử dụng đến 31/01 2023	Dự toán bị hủy	Số dư được chuyển nguồn chi năm 2023		Ghi chú
					Tổng số	Dự toán năm trước chuyển sang	Trong đó:				Tổng	Số dư dự toán	
							Dự toán giao đầu năm	Dự toán điều chỉnh					
2	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững			Phòng Lao động TB&XH	208.000.000	-	208.000.000	-	-	208.000.000	-		
I	<u>Dự án 6:</u> Truyền thông và giám sát về thông tin	00476	12	Phòng Lao động TB&XH	35.000.000	-	35.000.000	-	-	-	-		
1	Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều			Phòng Lao động TB&XH	35.000.000	-	35.000.000	-	-	35.000.000	-		
VI	<u>Dự án 7:</u> Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình	00477	12	Phòng Lao động TB&XH	291.000.000	-	291.000.000	-	-	291.000.000	-		
1	Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện chương trình			Phòng Lao động TB&XH	214.000.000	-	214.000.000	-	-	214.000.000	-		
2	Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá			Phòng Lao động TB&XH	77.000.000	-	77.000.000	-	-	77.000.000	-		
III	<u>Vốn CT MTQG giảm nghèo năm 2022 (dnt 2)</u>				30.000.000	-	30.000.000	-	-	30.000.000	-		
1	<u>Dự án 6:</u> Truyền thông và giám sát về thông tin	00476	12	Phòng Văn hóa - Thông tin	30.000.000	-	30.000.000	-	-	30.000.000	-		
1.1	Tiểu dự án 1: Giám sát về thông tin			Phòng Văn hóa - Thông tin	30.000.000	-	30.000.000	-	-	30.000.000	-	Chưa phân khai	
III	<u>Vốn CT MTQG giảm nghèo năm 2021 thực hiện năm 2022</u>				1.500.000.000	1.500.000.000	-	-	-	899.992.600	7.400		
1	Dự án 1: Chương trình 30a				1.200.000.000	1.200.000.000	-	-	-	899.992.600	7.400		
	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế các xã DBKK vùng bất ngang ven biển và hải đảo	00471	12		1.200.000.000	1.200.000.000	-	-	-	899.992.600	7.400		
1.1	Xã Gio Việt			UBND xã Gio Việt	300.000.000	300.000.000	-	-	-	300.000.000	-		
1.2	Xã Gio Mai			UBND xã Gio Mai	300.000.000	300.000.000	-	-	-	300.000.000	-		
1.3	Xã Gio Hải			UBND xã Gio Hải	300.000.000	300.000.000	-	-	-	300.000.000	-		
1.4	Xã Trung Giang			UBND xã Trung Giang	300.000.000	300.000.000	-	-	-	300.000.000	-		
2	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn các xã ngoài Chương trình 30a và Chương trình 135	00472	12		300.000.000	300.000.000	-	-	-	299.992.700	7.300		
2.1	Xã Hải Thái			UBND xã Hải Thái	150.000.000	150.000.000	-	-	-	-	-		
2.2	Xã Gio Châu			UBND xã Gio Châu	150.000.000	150.000.000	-	-	-	-	-		
C	CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KT-XH VÙNG ĐÔNG BẢO DAN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI NĂM 2023				2.073.000.000	-	2.073.000.000	-	-	520.468.000	-		
I	<u>Dự án 1:</u> Cải thiện tình trạng thiếu ăn, nhà ở, đất sản xuất, nước sạch	00511	12	UBND xã Linh Trường	711.000.000	-	711.000.000	-	-	711.000.000	-		

STT	Đơn vị	Mã Chương trình	Mã dự án/ mã nguồn kinh phí	Chức vụ/ đơn vị quản lý	Dự toán được chi năm 2022				Dự toán đã sử dụng đến 31/01/2023	Dự toán bị hủy	Số dư được chuyển nguồn chi năm 2023			Ghi chú
					Tổng số	Trong đó:					Tổng	Trong đó:		
						Dự toán năm trước chuyển sang	Dự toán giao đầu năm	Dự toán điều chỉnh				Số dư dự toán	Số dư tạm ứng	
II	<u>Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị</u>	00513	12		166.000.000	-	166.000.000	-	-	166.000.000	166.000.000	-		
I	Tiêu đề an 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất chuỗi giá trị, vùng trồng được hiệu quả, thực đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi			Phòng NN&PTNT	166.000.000	-	166.000.000	-	-	166.000.000	166.000.000	-		
III	<u>Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của Tỉnh vực dân tộc</u>	00514	12		108.000.000	-	108.000.000	-	-	108.000.000	108.000.000	-		
I	Tiêu đề an 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi			UBND xã Lành Trùng	108.000.000	-	108.000.000	-	-	108.000.000	108.000.000	-		
IV	<u>Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực</u>	00515	12		382.000.000	-	382.000.000	-	-	382.000.000	382.000.000	-		
I	Tiêu đề an 1: Đơn môn hoạt động, cùng có phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông có học sinh bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số			Phòng GD&ĐT	107.000.000	-	107.000.000	-	-	107.000.000	107.000.000	-		
2	Tiêu đề an 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi			Phòng Lao động TB&XH	2.15.000.000	-	2.15.000.000	-	-	2.15.000.000	2.15.000.000	-		
3	Tiêu đề an 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho công đồng và cán bộ trên khu chương trình ở các cấp			Phòng Nội vụ	30.000.000	-	30.000.000	-	-	30.000.000	30.000.000	-		
V	<u>Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tài đức của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch</u>	00516	12		109.000.000	-	109.000.000	-	-	109.000.000	109.000.000	-		
I	<u>Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và gia quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em</u>	00518	12		52.000.000	-	52.000.000	-	-	52.000.000	52.000.000	-		
171	<u>Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số ở người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn đặc thù</u>	00519	12		528.000.000	-	528.000.000	-	-	528.000.000	528.000.000	-		
1	Tiêu đề an 1: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc con giáp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù			UBND xã Lành Trùng	447.000.000	-	447.000.000	-	-	447.000.000	447.000.000	-		
2	Tiêu đề an 2: Giảm thiểu tranh chấp tạo hòa và hơn nhân cần học tập thông trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi			Phòng Y tế	81.000.000	-	81.000.000	-	-	81.000.000	81.000.000	-		
1711	<u>Dự án 11: <u>Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, Kịch truyền, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện chương trình</u></u>	00521	12		17.000.000	-	17.000.000	-	-	17.000.000	17.000.000	-		
1	Tiêu đề an 1: Biên soạn, sản phẩm diễn hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín, phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào, tuyên truyền phục vụ tổ chức triển khai thực hiện đề án tổng thể và chương trình mức tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030			Phòng Nội vụ	10.000.000	-	10.000.000	-	-	10.000.000	10.000.000	-		
2	Tiêu đề an 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển K.T.XH và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi			Văn phòng HĐND&UBND	4.000.000	-	4.000.000	-	-	4.000.000	4.000.000	-		
3	Tiêu đề an 3: Kịch tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện chương trình			Văn phòng HĐND&UBND	3.000.000	-	3.000.000	-	-	3.000.000	3.000.000	-		

PHỤ LỤC 2
BIỂU CHI TIẾT CHUYỂN NGUỒN VỐN ĐTPPT NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2022 SANG THỰC HIỆN NĂM 2023 CỦA CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA (BAO GỒM NGUỒN NĂM 2021)
 (Bản hành kèm theo Tờ trình số: /TTTC-KKH ngày tháng năm 2023 của Phòng Tài chính - KH huyện)

STT	Đơn vị	Mã Chương trình	Mã dự án/ mã nguồn kinh phí	Chủ đầu tư/đơn vị quản lý	Dự toán được chỉ năm 2022				Dự toán đã sử dụng đến 31/01/2023 (bao gồm tạm ứng)	Dự toán bị hủy	Kinh phí được chuyển nguồn sang thực hiện năm 2023			Ghi chú
					Tổng số	Dự toán năm trước chuyển sang	Dự toán giao đầu năm	Dự toán điều chỉnh			Tổng	Trong đó:		
												5-6-7-8	6	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11-12-13	12-5-9-10	13	14	
	TỔNG CỘNG: A + B + C													
A	VỐN ĐTPPT CHƯƠNG TRÌNH MİTQG XÂY DỰNG NTM													
a	Xã Lĩnh Trường													
1	Trường Mầm non số 1 khu vực Khe Mè, Hang mục, Công, sân và khuôn viên	00492	8007724	UBND xã Lĩnh Trường	24.523.150.000	7.068.040.000	17.455.110.000	-	6.277.072.700	-	21.837.342.000	18.246.077.300	3.591.264.700	
2	Nhà văn hóa thôn Sông Ngâm, Hang mục, Công, hàng rào và nhà vệ sinh	00492	8007726	UBND xã Lĩnh Trường	9.379.150.000	7.068.040.000	2.311.110.000	-	1.411.096.700	-	9.048.336.000	7.968.053.300	1.080.282.700	
3	Nhà văn hóa thôn Ba De	00492	8004000	UBND xã Lĩnh Trường	2.021.600.000	2.021.600.000	-	-	-	-	2.021.600.000	2.021.600.000	-	
b	Xã Gio Hải													
1	Bê tông hóa GTNT Thôn 4 tuyến từ Nhà Ở Bón - Nhà Ở Phiên	00492	8003825	UBND xã Gio Hải	700.000.000	700.000.000	-	-	143.855.000	-	700.000.000	556.145.000	143.855.000	
2	Bê tông hóa GTNT Thôn Nãi Ha tuyến từ nhà Ở Hiến, Nhà Thành Bông	00492	8003824	UBND xã Gio Hải	300.000.000	300.000.000	-	-	-	-	300.000.000	300.000.000	-	
c	Xã Gio Mai													
1	Công rãnh thoát nước tuyến 01 thôn Mai Xã	00492	8006010	UBND xã Gio Mai	400.000.000	400.000.000	-	-	143.855.000	-	400.000.000	256.145.000	143.855.000	
2	Công rãnh thoát nước tuyến 02 thôn Mai Xã	00492	8006009	UBND xã Gio Mai	1.257.020.000	657.020.000	600.000.000	-	114.253.000	-	1.142.767.000	1.142.767.000	-	
d	Xã Gio Châu													
1	Đường trục xã (đoạn từ đường mới kết nối hẻm chui đi 575 đến nhà bà Trần Thị Sánh)	00492	7982549	UBND xã Gio Châu	600.000.000	600.000.000	-	-	55.589.000	-	544.411.000	544.411.000	-	
2	Công thoát nước ngang qua đường xã từ Hà Trung đi Hà Thương	00492	8004460	UBND xã Gio Châu	657.020.000	657.020.000	-	-	58.664.000	-	598.356.000	598.356.000	-	
e	Xã Phong Bình													
1	Đường ra khu rau sạch thôn Lan Đình	00492	8004444	UBND xã Phong Bình	1.168.130.000	657.020.000	511.110.000	-	374.747.000	-	1.082.828.000	793.383.000	289.445.000	
2	Công thoát nước ngang qua đường xã từ Hà Trung đi Hà Thương	00492	8004460	UBND xã Gio Châu	1.120.000.000	657.020.000	462.980.000	-	374.747.000	-	1.034.698.000	745.253.000	289.445.000	
f	Xã Trung Sơn													
1	Bê tông hóa đường GTNT Thôn Kinh Môn	00492	8004471	UBND xã Trung Sơn	48.130.000	48.130.000	-	-	-	-	48.130.000	48.130.000	-	
2	Bê tông hóa đường GTNT Thôn Bền Hải	00492	8004470	UBND xã Trung Sơn	705.400.000	505.400.000	200.000.000	-	405.819.000	-	705.400.000	299.581.000	405.819.000	

STT	Đơn vị	Mã Chương trình	Mã dự án/nhiệm vụ kinh phí	Chức danh/vị quản lý	Dự toán được chi năm 2022				Dự toán đã sử dụng đến 31/01/2023 (theo phân bổ)	Dự toán bị hủy	Kinh phí được chuyển ngân sang được ngân năm 2023			Chi tiêu
					Tổng số	Dự toán năm trước chuyển sang	Dự toán giao đầu năm	Dự toán điều chỉnh			Tăng	Trung úc:		
												Số dự toán	Số dự toán ứng	
A	Xã Giao Sơn													
1	Bê tông hóa GTNT thôn Phú Ốc xã thôn Nam Tân	00492	8007259	UBND xã Giao Sơn	200.000.000	200.000.000	-	-	-	-	200.000.000	200.000.000	-	-
2	Bê tông hóa GTNT thôn Đa Đông Nhái	00492	8007101	UBND xã Giao Sơn	400.000.000	200.000.000	200.000.000	-	-	-	400.000.000	400.000.000	-	-
3	Đường hóa thôn Nam Đông	00492	8007098	UBND xã Giao Sơn	105.400.000	105.400.000	-	-	-	-	105.400.000	105.400.000	-	-
I	Xã Trung Giang													
1	Xây dựng tường rào nhà văn hóa thôn Hà Lạc Trung	00492	8003781	UBND xã Trung Giang	200.000.000	-	200.000.000	-	-	-	200.000.000	200.000.000	-	-
2	Khu vực rào nhà văn hóa thôn Hà Lạc Trung	00492	8004415	UBND xã Trung Giang	300.000.000	300.000.000	-	-	-	-	300.000.000	300.000.000	-	-
3	Tường rào nhà văn hóa thôn Cường Giáp	00492	8002723	UBND xã Trung Giang	205.400.000	205.400.000	-	-	-	-	205.400.000	205.400.000	-	-
m	Xã Giao Việt													
1	Nâng cấp đường và cảnh thiết nước đường liên thôn xã Giao Việt	00492	8002017	UBND xã Giao Việt	705.400.000	505.400.000	200.000.000	-	-	-	627.773.000	386.609.300	241.163.700	-
B	VON DIPP CHUONG TRINH NTOQC GIAM NGHIEO													
I	Đợt an 1: Hỗ trợ dân tư phát triển du lịch kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã ĐHKK vùng bất thuận ven biển và hải đảo													
1	Tiền án an 1. Hỗ trợ dân tư phát triển du lịch kinh tế - xã hội các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bất thuận, ven biển và hải đảo (cả 6 tỉnh Hải)				6.000.000.000	-	6.000.000.000	-	1.880.823.000	-	4.119.177.000	4.119.177.000	-	-
1.1	Bê tông hóa kênh mương Nhị Trung kênh Trư Lân - Giao Tra	00471	7991223	UBND xã Giao Hải	800.000.000	-	800.000.000	-	758.759.000	-	41.241.000	41.241.000	-	-
1.2	Bê tông hóa kênh mương Nhị Hà kênh O Gà	00472	7991314	UBND xã Giao Hải	700.000.000	-	700.000.000	-	-	-	700.000.000	700.000.000	-	-
1.3	Bê tông hóa đường giao thông thôn 4 (từ Nhà ông Đăng - ông Hồ Đăng - từ nhà ông Thuận - ông Mệ - từ nhà ông Bàn - ông Phấn)	00473	8003826	UBND xã Giao Hải	800.000.000	-	800.000.000	-	450.906.000	-	349.094.000	349.094.000	-	-
1.4	Bê tông hóa đường giao thông thôn 5 (từ nhà ông Lập đến nhà ông Cường)	00474	8003999	UBND xã Giao Hải	800.000.000	-	800.000.000	-	-	-	800.000.000	800.000.000	-	-
1.5	Bê tông hóa đường giao thông thôn 6 (từ Nhà ông Tuyền - Bà Hòa, từ nhà ông Văn - ông Kiên)	00475	8006012	UBND xã Giao Hải	700.000.000	-	700.000.000	-	671.158.000	-	28.842.000	28.842.000	-	-
1.6	Bê tông hóa đường giao thông thôn Tân Hà (từ Nhà ông Tân - ông Bình - từ nhà ông Thụy - Bà Hương)	00476	8004458	UBND xã Giao Hải	700.000.000	-	700.000.000	-	-	-	700.000.000	700.000.000	-	-
1.7	Bê tông hóa đường giao thông thôn Nhị Trung (từ Nhà Ty - ông Thuận - từ nhà Tâm (l - ẻn) - Dương - Thành Giang)	00477	8004453	UBND xã Giao Hải	700.000.000	-	700.000.000	-	-	-	700.000.000	700.000.000	-	-
1.8	Bê tông hóa đường giao thông thôn Nhị Hà (từ Nhà Kiên - Nhà ông Hoàng - Khuyên - Dương - Hứa Văn)	00478	8004417	UBND xã Giao Hải	800.000.000	-	800.000.000	-	-	-	800.000.000	800.000.000	-	-

STT	Đơn vị	Mã Chương trình	Mã dự án/ Mã nguồn kinh phí	Chức danh/trưởng vị quản lý	Dự toán được cử năm 2022				Dự toán đã sử dụng đến 31/01/2023 (bao gồm tạm ứng)	Dự toán bị hủy	Kinh phí được chuyển nguồn sang thực hiện năm 2023			Chi chú
					Tổng số	Dự toán năm trước chuyển sang	Trong đó:				Tổng	Số dự toán	Số dự toán ứng	
							Dự toán giao đầu năm	Dự toán điều chỉnh						
I	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững					2.500.000.000	-	2.500.000.000	-	2.150.057.000	260.057.000	1.890.000.000		
1	Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nông thôn, vùng khó					2.500.000.000	-	2.500.000.000	-	2.150.057.000	260.057.000	1.890.000.000		
1.1	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên huyện Gio Linh, Hướng nghiệp, Nhà học, đào tạo nghề 02 làng	00474	8000349	Ban Quản lý dự án ĐTXD&PTQD		2.500.000.000	-	2.500.000.000	-	2.150.057.000	260.057.000	1.890.000.000		
C	CHƯƠNG TRÌNH MÔC PHÁT TRIỂN KT-XH VÙNG ĐÔNG-BẢO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI NĂM 2023					6.644.000.000	-	6.644.000.000	-	6.519.772.000	5.898.790.000	620.982.000		
I	Dự án 1: Chia quyết tâm trong thiên tai ở nhà ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt					3.741.000.000	-	3.741.000.000	-	3.741.000.000	3.741.000.000	-		
1	Nội dung số 02: Hỗ trợ nhà ở	00511		UBND xã Linh Trường		2.800.000.000	-	2.800.000.000	-	2.800.000.000	2.800.000.000	-	Chưa phân khai	
2	Nội dung số 03: Hỗ trợ đất sản xuất, chuyển đổi nghề	00511		UBND xã Linh Trường		941.000.000	-	941.000.000	-	941.000.000	941.000.000	-	Chưa phân khai	
II	Dự án 1: Hỗ trợ cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS và MN và các địa vị sự nghiệp công lập vùng dân tộc					1.880.000.000	-	1.880.000.000	-	1.817.884.000	1.507.392.000	310.492.000		
1	Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi					1.880.000.000	-	1.880.000.000	-	1.817.884.000	1.507.392.000	310.492.000		
1.1	Đường giao thông nông thôn thôn Trường Thành	00514	8007723	UBND xã Linh Trường		380.000.000	-	380.000.000	-	380.000.000	380.000.000	-		
1.2	Xây mới khu vệ sinh gồm 6 phòng cho điểm trường tiểu học trung tâm xã	00514	8007783	UBND xã Linh Trường		300.000.000	-	300.000.000	-	300.000.000	300.000.000	-		
1.3	Nâng cấp và sửa chữa công trình hạ tầng học tập tại điểm trường tiểu học Khe Mè	00514	8007782	UBND xã Linh Trường		200.000.000	-	200.000.000	-	200.000.000	200.000.000	-		
1.4	Xây dựng 2 phòng đọc, cum trong thư viện trường tiểu học Linh Trường	00514	7991251	Ban QLDA ĐTXD&PTQD		1.000.000.000	-	1.000.000.000	-	937.888.000	627.398.000	310.492.000		
III	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch.					1.000.000.000	-	1.000.000.000	-	937.888.000	627.398.000	310.492.000		
1	Xây dựng nhà văn hóa thôn Cù Danh	00516	7987780	Ban QLDA ĐTXD&PTQD		1.000.000.000	-	1.000.000.000	-	937.888.000	627.398.000	310.492.000		
IV	Dự án 10: Truyền thống, tuyên truyền vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kêu gọi, giám sát đánh giá việc thực hiện các chương trình					23.000.000	-	23.000.000	-	23.000.000	23.000.000	-		
1	Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS và MN	00521		UBND xã Linh Trường		23.000.000	-	23.000.000	-	23.000.000	23.000.000	-	Chưa phân khai	